

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2020/HS-ST
Ngày 18-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lợi

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2020/TLST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (tên thường gọi: T trực), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 30/80 D, Quận L, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Số 32 T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Đoàn Ánh H và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: 01 tiền án đã được xóa án tại bản án số 295/2008/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Tòa án nhân dân Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 42 tháng tù về tội Cướp tài sản; tạm giam ngày 05 tháng 6 năm 2020; có mặt.

2. Nguyễn Như T, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1977 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Như N và bà Vũ Thị H; có vợ là Bùi Thị Thu H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07 tháng 7 năm 2020; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Trần Thị L sinh năm 1957; địa chỉ: Số 12B-BD4 PG T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Quốc T, sinh năm 1966, địa chỉ: Thôn 4, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1972, địa chỉ: Số 10, thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Ông T và bà X vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 02/12/2019, Nguyễn Như T đang ở nhà thì có Vũ Đức C ở cùng thôn với Như T đến chơi. Khoảng gần 24 giờ cùng ngày, C gọi điện thoại cho Văn T bảo: “Em có mấy cây tùng trong khu PG, anh đến đi cùng em”. Khoảng 30 phút sau, Văn T điều khiển mô tô biển số 16N7 - 9391 đến nhà Như T, thấy vậy, C bảo đi đi, Văn T hiểu là đi trộm cắp mấy cây tùng như C nói lúc gọi điện thoại. Như T có hỏi đi đâu? C bảo cứ đi đi. Văn T điều khiển xe chở C và Như T đi theo chỉ dẫn của C. Đến khu PG, C bảo dừng xe thì Văn T dừng xe lại vỉa hè, C bảo Như T là anh cứ ở đây, còn C và Văn T đi vào bãi đất trống phía sau nhà bà Trần Thị L ở số 12B-BD4, khu PG xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, C bảo Văn T đứng bên trong gần cửa sổ của nhà dân đang xây dở bên tay trái (chiều từ ngoài vào) để quan sát. Lúc này, Như T đã biết là C và Văn T đi trộm cắp còn Như T ngồi trông xe máy. C trèo qua tường bao mé góc cuối bãi đất trống để vào nhà bà L để trộm cắp cây tùng la hán, sau khi trộm cắp xong, C xếp dần các cây tùng la hán lên tường bao, C trèo ra ngoài bê một cây ra để ở võng xe của Như T đang ngồi, sau đó Văn T và C quay lại vị trí xếp cây, C bê 01 cây, Văn T bê 01 cây ra xe. C điều khiển xe, Văn T ngồi giữa ôm hai cây, Như T ngồi sau cùng đi theo hướng về nhà Như T. Do nặng quá nên khi đến giữa đường thì C đổi cho Văn T là người điều khiển xe, C ngồi giữa ôm cây, Như T ngồi sau cùng. Trong quá trình vận chuyển cây, Như T giúp C và Văn T đỡ cây, giữ cây cho đến khi gần về tới nhà thì Như T xuống xe đi bộ. Khi Văn T chở cây về tới nhà Như T thì C bảo để cây ở nhà Như T nhưng Như T không đồng ý và chỉ sang phía ngôi nhà hoang đối diện với nhà Như T. Sau đó, Văn T, Như T và C mỗi người bê một cây để tại vị trí lối đi vào khu nhà hoang. C và Văn T quay lại vị trí ban đầu lấy trộm cây tiếp, Như T ở nhà. Đến nơi, C tiếp tục trèo qua lối cũ vào lấy thêm ba cây tùng la hán nữa, Văn T chở C ôm cây về nhà Như T. Khi về đến nhà Như T thì C gọi anh T ơi! Như T ra mở cổng và bê mỗi người một cây vào nhà hoang để, sau đó cả ba quay ra bê ba cây ban đầu vào nhà hoang. Trước khi về C dặn Như T ở nhà thì thoảng tưới nước, chăm sóc cây. Do trời nắng nên ngoài việc tưới nước, chăm sóc cây như lời C dặn thì Như T còn cắt cỏ để che phủ lên cho cây. Đến chiều ngày 03/12/2019, Văn T có nhờ Lê Long Đại Hải chụp ảnh bán cây họ (lúc này Hải chưa biết nguồn gốc cây là ở đâu). Sau khoảng vài ngày không bán được cây thì Văn T có nói với C, Như T: Giờ cây không bán được thì chia mỗi người hai cây về trồng, C đồng ý, Văn T chở hai cây về chụp ảnh đăng lên face book bán, không nhớ face book nào

đặt mua 02 cây với giá 1.500.000 đồng nhà người mua cây ở Đồng Triều, Quảng Ninh còn 04 cây để lại ở nhà hoang. Khoảng mấy hôm sau, C đến chỗ Như T chở 04 cây đi bán cho bà di được 5.000.000 đồng, C đưa cho Như T 1.500.000 đồng.

Đối với anh Lê Long Đại H, sau khi được Văn T nhờ chụp ảnh bán cây nhưng anh H không đăng bán. Sau đó anh H gặp anh Đặng Thái S là bạn, qua trò chuyện anh S có nói cho H biết nhà mẹ anh S là bà L trong khu PG có mất mấy cây tùng và nhờ H tìm hộ. Sau khi nghe anh S nói vậy H nghi ngờ nhóm của Văn T đã trộm cắp nên điện cho Văn T bảo trả cây, chủ cây đang đi tìm, sau đó Văn T có nói cho C biết về việc này.

Sau khi C trộm cắp cây thì có một số thanh niên đến nhà bà Nguyễn Thị X – mẹ đẻ của C để tìm C và nói C trộm cắp cây của nhà bà L trong khu PG. Biết vậy bà X đã bảo C và cùng C đến nhà bà L xin lỗi và bồi thường cho bà L 12.000.0000 đồng, bà L đã nhận số tiền trên và cũng đã nhận được 04 cây tùng nên không yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại cơ quan điều tra ông Lê Quốc T khai nhận: Vào cuối năm 2019, khi ông đang điều khiển xe máy trên tuyến đường trục chính xã B, huyện An Dương thì có gặp một người thanh niên, ông không biết tên tuổi, địa chỉ có chở 04 cây tùng, ông quay xe lại đuổi theo đến gần người thanh niên chở cây thì người thanh niên trên hỏi ông có mua cây không? giá 5.000.000 đồng, ông đồng ý mua và dẫn người thanh niên trên về vườn để trồng cây. Vừa về đến nơi thì Vũ Đức C (cháu gọi vợ ông bằng dì) cũng theo người thanh niên vào vườn nhà ông và bảo đây là cây của C. C bảo ông là đưa tiền bán cây cho C nhưng ông sợ cây chết nên hẹn một vài hôm nữa C đến lấy tiền, C và người thanh niên bán cây cho ông ra về. Sau vài ngày, C gọi điện cho ông đòi lấy tiền ông đồng ý và bảo C đến nhà ông đưa C 5.000.000 đồng. Khi mua cây của C ông không biết 04 cây tùng trên là do C trộm cắp mà có. Đến ngày 07/02/2020, anh Chu Minh C (người đã bán cây tùng la hán cho nhà bà L trước đó) được bà L nhờ đi tìm cây hộ. Khi đi qua vườn cây nhà ông, anh Chu Minh C đã phát hiện ra 04 cây tùng la hán trong vườn nhà ông là của nhà bà L đã mất trộm vì anh Chu Minh C là người thường xuyên chăm sóc và cắt tỉa cây cho bà L, anh Chu Minh C có nói với ông là 04 cây này là cây của nhà bà L bị mất trộm nên cùng ngày 07/02/2020, ông giao nộp 04 cây tùng trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương.

Tại bản kết luận định giá ngày 06/3/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện An Dương kết luận: 04 cây tùng la hán có tổng giá trị là 5.700.000 đồng. Còn 02 cây tùng la hán do Nguyễn Văn T bán với giá 1.500.000 đồng hiện chưa thu hồi được nên chưa có căn cứ để tiến hành định giá.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Như T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên.

Tại Cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Như T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu lời luận tội đối với các bị cáo đã phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh và hình phạt: + Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 15 đến 18 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản";

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Như T từ 12 đến 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản";

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động Nokia thu giữ của Nguyễn Văn T.

Các bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên và nói lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về việc vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra, họ đã có lời khai và ông T, bà X đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

- Về tội danh và chứng cứ xác định có tội:

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ

sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 03/12/2019 Vũ Đức C lợi dụng sơ hở của bị hại, lén lút chiếm đoạt 06 cây tùng la hán của bà Trần Thị L ở số nhà số 12B-BD4 PG T, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, hiện thu hồi được 04 cây trị giá 5.700.000đồng. Sau khi chiếm đoạt được 06 cây tùng la hán C, Văn T và Như T để 06 cây tùng này tại ngôi nhà hoang ở gần nhà Như T và C phân công Như T chăm sóc cây để tìm người bán. Trong vụ án này Vũ Đức C là người trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt 06 cây tùng la hán của bị hại, Văn T khi được C rủ đi trộm cắp tài sản thì không can ngăn mà trực tiếp điều khiển xe chở C và Như T đến nơi có tài sản, làm nhiệm vụ canh giới, vận chuyển số tài sản C trộm cắp được về nơi cất giấu, Như T khi biết C và Văn T đi trộm cắp tài sản cũng không ngăn cản mà cùng C và Văn T vận chuyển tài sản trộm cắp được về nơi cất giấu, chăm sóc những cây tùng la hán do C chiếm đoạt được nên các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Như T đồng phạm với C về hành vi trộm cắp tài sản đối với 06 cây tùng la hán của bà L, giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 5.700.000đồng nên các bị cáo đồng phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây dư luận xấu ở địa phương và mất trật tự trị an xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[5] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

[8] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Như T và Nguyễn Văn T có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Như T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Vụ án có đồng phạm Hội đồng xét xử đánh giá, phân hoá vai trò, hình phạt áp dụng đối với cáo bị cáo như sau:

[9] Trong vụ án này Nguyễn Đức C là người đề xuất và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên C là người có vai trò chính trong vụ án. Nguyễn Văn T là người canh giới để C trộm cắp tài sản, cùng C vận chuyển tài sản trộm cắp được về vị trí cất giấu, bị cáo cũng là người được ăn chia số tài sản trộm cắp được nên đánh giá bị cáo với vai trò giúp sức sau C. Nguyễn Như T tuy không trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, khi biết C và Văn T vào trộm cắp tài sản bị cáo không ngăn cản mà đứng ngoài trông xe, giúp C và Văn T vận chuyển tài sản trộm cắp về nơi cất giấu, đồng thời bị cáo cũng là người chăm sóc những cây tùng la hán và được ăn

chia từ số tiền do trộm cắp mà có nên đánh giá vai trò của bị cáo thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn T. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự trị an nên cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Xét bị cáo Nguyễn Như T có vai trò thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt đối với bị cáo nhẹ hơn bị cáo Văn T.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét, tính chất hành vi phạm tội và hoàn cảnh gia đình của các bị cáo nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng:

[11] Đối với 01 điện thoại Nokia thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo dùng điện thoại này trong quá trình phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[12] Đối với chiếc xe máy biển số 16N7 – 9391 do Nguyễn Văn T điều khiển cùng C và Nguyễn Như T đi trộm cắp tài sản, bị cáo Nguyễn Văn T khai: Năm 2019, bị cáo mua lại của Đồng Văn P, sinh năm 1994, ở N, K, Hải Dương với giá 5.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy mua bán xe và chuyển đăng ký xe cho bị cáo, Văn T đã giao nộp cho cơ quan công an. Trong quá trình xác minh, xác định được nguồn gốc chiếc xe trên của bà Đào Thị S bị mất trộm vào cuối năm 2019. Do chưa xác định và lấy lời khai của đối tượng tên Đồng Văn P người đã bán xe cho Văn T (P vắng mặt địa phương, đi đâu làm gì gia đình, địa phương không biết) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ là có căn cứ.

- Về trách nhiệm dân sự:

[13] Bị hại bà Trần Thị L đã nhận lại 04 cây tùng la hán và được bà X bồi thường số tiền 12.000.000đồng, bà Trần Thị L không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] Đối với số tiền 5.000.000đồng ông Lê Quốc T bỏ ra mua 04 cây tùng la hán do Vũ Đức C bán, nay ông T không có yêu cầu các bị cáo phải hoàn trả số tiền trên nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo:

[15] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

[16] Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Về vấn đề khác:

[16] Đối với bị can Vũ Đức C hiện tại không có mặt tại địa phương nên Cơ quan Cảnh điều tra Công an huyện An Dương ra quyết định truy nã số 06 ngày 11 tháng 06 năm 2020 và đã tách vụ án hình sự để xử lý sau.

[17] Đối với ông Lê Quốc T là người mua cây của C, ông T không biết 04 cây tùng trên là do C trộm cắp mà có nên Cơ quan công an không xử lý T là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T trọc) 15 (Mười lăm) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Văn T tính từ ngày 05 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điều 17, 38, 58; các **điểm i, s khoản 1 Điều 51** của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Như T 12 (Mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Như T tính từ ngày bắt thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Nokia (vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương đang quản lý theo Biên Bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Như T và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Trại Tạm giam Công an T.P Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân T.P Hải Phòng;
- Phòng PV 06, PC 10 Công an T.P Hải Phòng;
- Sở Tư pháp Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Liên